TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1002/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

2. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiếu Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 244/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1983 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: XX xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Trần Công D, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: YY, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

Tạm trú: XX xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 08/3/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T đăng ký kết hôn với ông Trần Công D tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP.HCM vào ngày 18/3/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 29, Quyển số 01/2015). Trong quá trình sống chung vợ

chồng, ông D không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên ăn nhậu ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là ông D lớn tiếng mắng chửi và đánh đập bà T, hăm dọa đòi giết vợ con. Do cuộc sống chung không hạnh phúc nên gia đình bà T không cho ông D sống chung trong nhà, hiện nay bà T và ông D đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2023 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, ông D không thay đổi tính tình, hiện nay mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn thương yêu, lo lắng, chia sẻ, quan tâm đến nhau. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Mai P, sinh ngày 14/12/2015. Hiện nay trẻ P đang sống chung với bà T. Sau ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P và không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ kiện nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn quyết định đưa vụ án ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần Công D nên đây là tranh chấp về ly hôn. Bị đơn ông Trần Công D cư trú trên địa bàn huyện Hóc Môn, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Tp.HCM thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Nguyễn Thị Minh T (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Trần Công D (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông D.

[3] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ Luật Tố tụng dân sự quy định. Bà Nguyễn Thị Minh T (là nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông Trần Công D (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt bà T và ông D là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Công D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP.HCM vào ngày 18/3/2015 (Giấy chứng nhận kết hôn số 29, Quyển số 01/2015), do đó hôn nhân của bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T yêu cầu ly hôn ông D nên Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 để giải quyết.

Bà T trình bày trong quá trình sống chung vợ chồng, do tính tình hai bên không hòa hợp, ông D không lo làm ăn, không phụ giúp kinh tế gia đình, thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông vô cớ, chửi mắng và đánh đập, hăm dọa đòi giết vợ con dẫn đến đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Hiện nay giữa bà T và ông D đã sống ly thân nhau, mạnh ai nấy sống, không còn chia sẻ, quan tâm đến nhau. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể cải thiện, bà T không thể tiếp tục sống chung vợ chồng với ông D.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, ông D đề nghị bà T cho cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên qua các lần Tòa án hòa giải ông D không có phương hướng, biện pháp và thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, cũng như phiên tòa hôm nay mặc dù đã được tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Như vậy, ông D đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Do đó, xét thấy giữa bà T và ông D không còn tình yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Hiện nay mâu thuẫn giữa bà T và ông D là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: bà T và ông D có 01 con chung tên Trần Ngọc Mai P, sinh ngày 14/12/2015.

Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng trẻ P và không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy hiện nay trẻ P đang sống chung với bà T, phía ông D

không có ý kiến gì đối với việc nuôi con của bà T. Tại Bản tự khai ngày 04/4/2023, trẻ P có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Do đó, xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt của con, việc bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con là phù hợp với lợi ích của con và có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cần giao trẻ Phương cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng tiền nuôi con, xét thấy việc không yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện nên tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông D cho đến khi có đơn yêu cầu của bà T.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 238 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Minh T và ông Trần Công D.

2/. Về nuôi con chung: bà T và ông D có 01 con chung tên Trần Ngọc Mai P, sinh ngày 14/12/2015.

2.1. Giao con chung là Trần Ngọc Mai P, sinh ngày 14/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Minh T trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Tạm ngưng cấp dưỡng tiền nuôi con đối với ông Trần Công D cho đến khi bà T có đơn yêu cầu.

Vì lợi ích con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/. Án phí HNGĐ sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà T đã nộp theo biên lai số AA/2022/0015994 ngày 21/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5/. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, TP.HCM;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh